

Bản án số: 07/2017/HS-ST
Ngày 17/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thiên Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Hánh

Bà Lê Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thành-Thư ký TAND huyện Tiên Du

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Chu Đức Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2017/TLST-HS ngày 06/10/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2017/QĐXXST-HS ngày 03/11/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Trung K, sinh năm 1997

Trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh

Nghề Nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 06/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Minh Th, SN 1975 – thợ xây

Con bà Nguyễn Thị M, SN 1974 – làm ruộng.

Gia đình bị cáo có 02 anh em ruột. Bị cáo là con lớn.

Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 16/01/2013 bị Chủ tịch UBND huyện Tiên Du ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng trong thời hạn 06 tháng.

Bị tạm giam từ ngày 10/7/2017 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh – Có mặt.

*** Người bị hại:**

1/ Anh Vi Văn H, sinh năm 1990 (vắng mặt)
HKTT: Xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa
Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh

2/ Bà Lại Thị H1 – Sinh năm 1974 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*

1/ Ông Nguyễn Minh Th, sinh năm 1975 (có mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1974 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh

3/ Chị Lăng Thanh T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ ngày 09/6/2017, Nguyễn Trung K đã có hành vi gian dối là nhờ em gái Nguyễn Thị Ngọc L mượn của anh Vi Văn H chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave BKS: 36N2-8520. Sau đó K mang đi cầm cố cho anh Đào Đức H3 được 5.000.000 đồng. Sau khi được cơ quan điều tra thông báo ngày 08/8/2017, anh H đã tự nguyện giao nộp chiếc xe máy trên. Tại biên bản định giá tài sản ngày 10/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tiên Du kết luận chiếc xe máy của anh H trị giá 5.000.000 đồng.

Ngày 26/6/2017, lợi dụng sơ hở của gia đình bà Lại Thị H1 là bác họ ở cạnh nhà, K đã đột nhập vào trong nhà trộm cắp được 13.000.000 đồng. Ngày 01/7/2017 K tiếp tục đột nhập vào nhà bà H1 lấy được 23.012.000 đồng. Tổng trị giá tài sản K đã lấy nhà bà H1 là 36.012.000 đồng.

Cáo trạng số 103/CTr - VKS ngày 05/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du đã truy tố bị cáo Nguyễn Trung K về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự và “ Trộm cắp tài sản ” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo K khai nhận: Sáng ngày 09/6/2017 khi thấy anh H đi làm về bằng chiếc xe máy nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt . Bị cáo bảo em gái là L sang mượn anh H chiếc xe máy nhưng không nói mục đích chiếm đoạt cho L biết. Sau đó L mượn được chìa khóa xe máy , bị cáo liền điều khiển đến nhà anh H3 vay số tiền 5.000.000 đồng và tự để lại chiếc xe máy làm tin. Tiếp đó trong các ngày 26/6/2017 và 01/7/2017 bị cáo lén lút đột nhập vào nhà bà H1 lấy trong ví lần lượt là 13.000.000 đồng và 23.012.000 đồng. Quá trình phạm

tội bị cáo sử dụng 01 chiếc gậy tre dài hơn 1 mét. Số tiền có được bị cáo đã mua thẻ nạp tiền chơi điện tử và chi tiêu cá nhân hết.

Người bị hại anh H khai tại cơ quan điều tra đã nhận lại chiếc xe máy nên không có yêu cầu gì. Bà H2 trình bày tại phiên tòa yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 36.012.000 đồng và đề nghị xử lý nghiêm theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Th, bà M, chị T trình bày: Bà M đã tự nguyện nộp 400.000 đồng bị cáo đưa cho và ông Th tự nguyện trả anh H3 5.000.000 đồng. Do gia đình kinh tế khó khăn nên chưa bồi thường cho bà H1. Chị T yêu cầu bị cáo hoàn trả 500.000 đồng

Đại diện Viện kiểm sát huyện Tiên Du thực hành quyền công tố tại phiên tòa, trong phần luận tội, sau khi phân tích nguyên nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung K phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 139; khoản 1 Điều 138; Điều 50, điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; từ 20 tháng đến 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội từ 29 tháng tù đến 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/7/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 42 BLHS; điều 584; điều 585 và điều 589 BLDS: Buộc bị cáo K phải bồi thường cho bà H1 số tiền 35.600.000 đồng và hoàn trả cho chị T 500.000 đồng.

4. Vật chứng: Áp dụng các Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Trung K và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO NEO 7 nhưng cần tạm giữ chiếc điện thoại để đảm bảo thi hành án; Tịch thu tiêu hủy 01 gậy tre, 01 ví giả da; Trả lại bà H 1 412.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo sau khi nghe luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du thừa nhận có tội, không tranh luận mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Ngày 09/6/2017 bị cáo K nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên đã nói dối để cháu Lan mượn xe máy Honda Wave BKS : 36N2-8520 trị giá 5.000.000 đồng của

anh H, sau đó bị cáo K tự ý mang đi cầm cố. Các ngày 26/6/2017, 01/7/2017 bị cáo lén lút đột nhập vào nhà bà H lấy được 13.000.000 đồng và 23.012.000 đồng. Hành vi chiếm đoạt chiếc xe máy của anh Hiền đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 139 BLHS. Hành vi chiếm đoạt tiền của bà Hậu đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra còn gây mất trật tự trị an, hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân nơi xảy ra tội phạm. Do vậy cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi bị cáo đã thực hiện mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân bị cáo thì thấy: Năm 2013 bị cáo bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng tính đến nay không coi là tiền sự nhưng cần đánh giá về nhân thân bị cáo khi lượng hình. Tuy nhiên tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Bố đẻ bị cáo đã bồi thường cho anh Hạnh. Vì vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Trong thời gian gần bị cáo 03 lần thực hiện hành vi phạm tội, trong đó có 02 lần trộm cắp nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo K ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung. Bị cáo K bị xét xử cùng một lần phạm nhiều tội nên cần tổng hợp hình phạt theo Điều 50 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh kinh tế của bị cáo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 12.000 đồng thu hồi được và 400.000 đồng bà M tự nguyện giao nộp có nguồn gốc của bà H 1 nên cần trả lại. Đối với yêu cầu bồi thường số tiền còn thiếu của bà H1 là hợp pháp nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo phải bồi thường cho bà H 1 số tiền là 35.600.000 đồng. Ngoài ra Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và sự tự nguyện của bị cáo chấp nhận hoàn trả chị T 500.000 đồng. Đối với số tiền 5.000.000 đồng ông Th là bố đẻ bị cáo không yêu cầu hoàn trả và chiếc ví nữ bằng vải màu trắng bà H1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Xác định 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Trung K và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO NEO 7 không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại bị cáo nhưng cần tạm giữ chiếc điện thoại để đảm bảo thi hành án. Đối với 01 cây tre và 01 ví giả da không ai xin lại, giá trị sử dụng thấp nên cần tịch thu tiêu hủy.

Liên quan trong vụ án có bà M là mẹ đẻ của bị cáo khi cầm 400.000 đồng không biết tài sản do phạm tội mà có; cháu L sang mượn chìa khóa xe máy của anh H nhưng cháu L không biết được mục đích chiếm đoạt tài sản của bị cáo; anh Hạnh khi cho vay tiền nhận cầm cố không biết nguồn gốc chiếc xe máy do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xử lý đối với bà M, cháu L, anh H3 là phù hợp.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung K phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 139; khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 41, Điều 33, Điều 50 Bộ luật hình sự; Điều 76, Điều 99, Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội 33 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/7/2017.

Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Trung K 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án

3. Về trách nhiệm dân sự : Áp dụng điều 42 BLHS; điều 584; điều 585 và điều 589 BLDS: Buộc bị cáo K phải bồi thường cho bà H1 số tiền 35.600.000 đồng và hoàn trả cho chị 500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi thi hành xong.

4. Xử lý vật chứng:

- Trả lại bị cáo 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Trung K và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO NEO 7 màu vàng có số IMEI 1 là 35543845009612 và số IMEI 2 là 355438450096220 nhưng cần tạm giữ chiếc điện thoại để đảm bảo thi hành án;

- Trả bà Lại Thị H1 412.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

- Tịch thu tiêu hủy 01 gậy tre dài 1,14m, đường kính 03cm và 01 ví giả da màu đen kiểu nữ, kích thước khi gập là (9 x 19)cm

5. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.805.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tổng đạt án.

Trường hợp bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Tiên Du;
- Công an huyện Tiên Du;
- Chi cục THADS huyện Tiên Du;
- Những NTGTT;
- Lưu HS, VP;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thạch Thiên Hà